TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2018
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sơn Trường

2. Ông Nguyễn Tăng Gô

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 222/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D - Sinh năm 1988 - Địa chỉ: ấp 1, xã BHH, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lâm Văn T - Sinh năm 1988 - Địa chỉ: ấp 1, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 11 năm 2018, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Lâm Văn T cưới nhau tháng 6 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MQT ngày 09-5-2014. Chung sống đến tháng 10 năm 2016 xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường gây gổ nhau. Bà và ông T ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Lâm Văn T.

Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 25/01/2018, bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn là ông Lâm Văn T được niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Lâm Văn T, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Lâm Văn T được niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà D theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, ông T không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ và tham gia phiên tòa vì ông không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[4] Bà D và ông T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 09-5-2014 tại Ủy ban nhân dân xã MQT, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, không có căn cứ thể hiện việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[6] Xét về hôn nhân: Bà D và ông T xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay, hiện vẫn sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà D và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà D yêu cầu ly hôn là phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Ông T không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[7] Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có, ông T không có ý kiến, nên không đề cập giải quyết; Nếu xảy ra tranh chấp, giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, xét thấy: Bà D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với ông Lâm Văn T.

2. Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có, ông T không có ý kiến, không đề cập giải quyết;

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Biên lai thu số 0008121 ngày 28-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), bà D đã nộp đủ án phí.

4. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MQT (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương